



*Nơi cư trú: Xóm Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*- Chị Giáp Thị N, sinh năm 1995 ( có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*Nơi cư trú: Thôn Đình Sơn, xã T Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*- Chị Giáp Thị T, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Phù Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.*

*Hiện ở: Số 105a, đường Trương Định, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.*

*- Anh Giáp Văn T, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*Nơi cư trú: Đường 9, thôn Tây Lạc, ấp An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.*

*- UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do ông Lương Ngọc Đ-  
Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Việt Yên đại diện theo ủy quyền  
(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

*- UBND xã Việt Tiến, huyện Việt Yên do ông Nguyễn Xuân T-Phó  
chủ tịch UBND xã đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 3 năm 2022 bản tự khai và các  
lời khai tiếp theo, biên bản H giải nguyên đơn bà Giáp Thị H trình bày:*

Bà là vợ của ông Giáp Văn Xuân, sinh năm 1971 (chết ngày 26/01/2020),  
bố mẹ ông Xuân là Nguyễn Thị Bính, sinh năm 1935 chết năm 1981 và Giáp  
Văn Liên, sinh năm 1935 đã chết ngày 09/3/2020.

Bố mẹ ông Xuân sinh được 8 người con cụ thể: Bà Giáp Thị Hoà, ông  
Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn  
B, ông Giáp Văn L. Ngoài ra bố, mẹ ông Xuân không có người con đẻ, con nuôi  
nào khác.

Về nguồn gốc đất: Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup>  
gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh  
Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng  
đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân. Nguồn gốc đất là của bố mẹ  
ông Xuân đã mua từ lâu của ai thì bà không rõ và sử dụng đến năm 1995 cho vợ cH  
bà bằng miệng không viết giấy tờ gì, lúc cho đất thì chỉ có đất không có công trình  
xây dựng và cây cối gì trên đất. Năm 1994 bà lấy ông Xuân, năm 1995 khi được  
cho đất xong thì vợ cH bà xây dựng 03 gian nhà tạm. Năm 1995 vợ cH bà sinh  
cháu Giáp Thị N, năm 1999 thì sinh cháu Giáp Thị T. Năm 1999 vợ cH bà được  
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân. Tại thời  
điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có ông Xuân, bà, cháu N, cháu T,  
ngoài ra không có ai khác. Năm 2001 thì vợ cH bà sinh được thêm cháu Giáp Văn  
T. Năm 2002 gia đình bà có xây dựng công trình nhà cấp 4 bốn gian và các công  
trình phụ khác là bếp, nhà ngang, chuồng lợn và một số cây ăn quả. Khi xây dựng  
các công trình trên thì các con bà còn nhỏ không có công sức đóng góp gì và các  
anh chị em của ông Xuân cũng không ai có công sức đóng góp gì. Quá trình sinh  
sống trên đất thì bố mẹ ông Xuân và các anh chị em của ông Xuân không có ai sinh  
sống trên thửa đất này thời gian nào.

Năm 1981 mẹ ông Xuân chết không để lại di chúc, năm 2020 bố ông Xuân chết không để lại di chúc, năm 2020 cH bà chết cũng không để lại di chúc. Khi còn sống thì bố bà đã cho thừa đất trên cho vợ cH bà, vợ cH bà đã xây dựng các công trình trên đất từ năm 1995 các anh chị em của ông Xuân đều biết và không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 1999 vợ cH bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em của ông Xuân cũng không ai có ý kiến gì đối với thừa đất của vợ cH bà được cho. Nay bố mẹ, cH bà đã chết, bà đề nghị chia thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Hiện tại trên thừa đất chỉ còn lại một mình bà sinh sống trên đất này. Ngoài ra không có ai khác. Khi mẹ cH còn sống thì lúc đó bà chưa lấy ông Xuân, không nắm được do ai chăm sóc. Khi bố ông Xuân còn sống thì ông ở với ông L, do ông L chăm sóc, khi bố mẹ chết cũng do cả anh chị em cùng tập T đứng ra lo ma chay, mai táng cho bố mẹ. Đối với chi phí mai táng phí của bố mẹ cH bà thì tất cả các con có nghĩa vụ phải lo cho bố mẹ nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tiền mai táng phí. Khi cH bà chết thì bà và các con là người đứng ra lo mai táng phí cho cH bà, bà không đề nghị xem xét. Khi bố mẹ cH chết đi không để lại nghĩa vụ về tài sản nào chưa thanh toán. Khi cH bà chết để lại cho bà khoản nợ 200 triệu ở Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Việt Yên, đến tháng 02/2022 bà đã trả nợ hết cho Ngân hàng.

Nay cH bà đã chết, các anh chị em của ông Xuân không đồng nhất đối với thừa đất trên nên bà không làm thủ tục phân chia thừa đất trên cho các con bà được. Vì cH bà đã chết nên bà đề nghị Tòa án chia thừa kế thừa đất trên theo quy định của pháp luật. Bà xin nhận phần thừa kế của bà được hưởng bằng hiện vật (đất) vì bà hiện tại không có chỗ ở nào khác.

Tại phiên tòa bà Giáp Thị H có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Giáp Thị H có trình bày:*

Bà là chị gái của ông Giáp Văn Xuân, ông Xuân chết năm nào bà không nhớ, bố bà là Giáp Văn Liên, mẹ là Nguyễn Thị Bính, bà không nhớ bố mẹ sinh năm nào và chết năm nào. Bố mẹ sinh được 8 người con: Bà, ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn B, ông Giáp Văn L. Ngoài ra bố mẹ không có con đẻ con nuôi nào khác.

Nguồn gốc thừa đất mà bà H đang khởi kiện là do bố mẹ bà để lại, sau đó bố mẹ bà cho ông Xuân, bà H thừa đất này, bố bà ở cùng ông L không ở trên thừa đất này. Ông Xuân, bà H kết hôn năm nào bà không nhớ. Sau khi kết hôn vợ cH bà H về sinh sống trên thừa đất đó. Vợ cH bà H sinh được 3 người con là Giáp Thị N, Giáp Thị T, Giáp Văn T. Quá trình sinh sống trên đất ông Xuân, bà H xây dựng được các công trình là: Nhà cấp 4, nhà bếp, nhà chăn nuôi và một số cây ăn quả. Khi nào ông Xuân bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết. Quá trình xây dựng các công trình trên đất cụ thể ai đóng góp công sức như nào bà không rõ, bản thân bà không có công sức đóng góp gì vào các công trình xây dựng và các tài sản trên thừa đất này, bà cũng không đề

ngiht chia các tài sản trên thửa đất. Năm 1981 mẹ bà chết không để lại di chúc, năm 2020 bố chết không để lại di chúc, năm 2020 ông Xuân cH bà H chết cũng không để lại di chúc. Khi còn sống thì bố mẹ bà có nói là cho vợ cH ông Xuân thửa đất này bằng miệng, lúc đó toàn bộ các anh chị em bà đều biết về việc cho đất trên. Hiện tại thửa đất chỉ còn một mình bà H sinh sống, ngoài ra không còn ai khác. Khi bố mẹ còn sống các anh chị em cùng chăm sóc, khi bố mẹ chết ông L là người đứng ra lo mai táng phí, bà không yêu cầu xem xét tiền mai táng phí. Khi bố mẹ chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào chưa thanh toán. Nay bà H yêu cầu chia di sản thừa kế, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà đồng ý chia theo pháp luật. Phần di sản thừa kế của bà được hưởng bà nhận và đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa bà Giáp Thị H vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn L có ý kiến trình bày:*

Các ông là anh trai, em trai của ông Giáp Văn Xuân đã chết là cH bà H, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp di sản thừa kế giữa bà H và bà H. Các ông nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Các ông ủy quyền và nhất trí toàn bộ di sản thừa kế của các ông được hưởng cho bà H toàn quyền sử dụng. Ngoài ra các ông không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn L vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai, bản tự khai bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Văn B có ý kiến trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1090m<sup>2</sup> tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên do bố mẹ ông là ông Liên, bà Bích cho em ông là Giáp Văn Xuân từ năm 1999. Nay bố mẹ ông đã chết và em trai ông cũng đã chết, hiện tại thửa đất em dâu ông là bà H đang quản lý, sử dụng. Nay bà H vợ ông Xuân khởi kiện chia di sản thừa kế thì ông đề nghị chia theo pháp luật, ông yêu cầu chia cho ông bằng hiện vật (đất). Tại bản tự khai bổ sung ngày 26/9/2022 ông B trình bày: Ngày 06/5/2022, ngày 7/6/2022 ông đã có bản tự khai ông yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo pháp luật và ông xin nhận phần được chia bằng đất. Từ đó cho đến nay trong thời gian chờ Tòa án xét xử, ông đã suy nghĩ lại và thấy yêu cầu của ông không phù hợp nên ông viết bản tự khai này xin rút lại yêu cầu trên và ủy quyền toàn bộ tài sản thừa kế của ông được hưởng cho bà Giáp Thị H có toàn quyền sử dụng và quyết định. Bản tự khai bổ sung này của ông sẽ thay cho tất cả các bản tự khai và lời khai trước đây. Ngoài ra ông không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa ông Giáp Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Giáp Thị N có ý kiến trình bày:*

Chị là con gái của bà Giáp Thị H và ông Giáp Văn Xuân. Bố chị ông Giáp Văn Xuân, sinh năm 1971 (chết ngày 26/01/2020), ông bà chị đã chết hết từ lâu,

cụ thể chị không nhớ. Ông bà chị sinh được 8 người, ngoài ra ông bà không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ chị sinh được 03 người con là: chị, Giáp Văn T, Giáp Thị T. Ngoài ra, bố mẹ chị không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân. Nguồn gốc đất là do ông bà cho bố mẹ chị từ lâu. Chị sinh sống trên đất từ khi sinh ra đến năm 2013 thì chị đi lấy chồng, không sinh sống trên đất, quá trình sinh sống trên đất các công trình trên đất do bố mẹ chị xây dựng, chị còn nhỏ không có công sức đóng góp gì xây dựng các công trình gì trên thửa đất đó.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 thì lúc đó chị còn nhỏ, nên không nắm được hộ gia đình chị lúc đó có những ai. Từ khi chị biết thì có bố mẹ chị và 03 anh chị em chị sinh sống trên đất ngoài ra không còn ai khác. Bà chị đã chết từ lâu, ông chết năm 2020, khi còn sống ông chị cũng không ở cùng bố mẹ chị và các anh chị em chị trên đất này ngày nào. Khi ông và bố chị chết năm 2020 đều không để lại di chúc gì.

Khi còn sống thì ông chị đã cho thửa đất trên cho bố mẹ chị, bố mẹ chị xây dựng các công trình trên đất từ lâu các anh chị em của bố chị đều biết và không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 1999 bố chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em của bố chị cũng không ai có ý kiến gì đối với thửa đất của bố mẹ chị được cho. Nay ông bà, bố chị đã chết, chị nhất trí với ý kiến của mẹ chị đề nghị chia thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Hiện tại trên thửa đất trên chỉ còn lại một mình mẹ chị là bà H sinh sống trên đất này, ngoài ra không có ai khác. Chị thì đang sinh sống ở thôn Dĩnh Sơn, xã T Sơn, chị chỉ thỉnh thoảng về thăm mẹ. Hiện nay công trình trên thửa đất trên gồm: 01 nhà cấp, 02 nhà công trình phụ, ngoài ra còn có một số cây cối trên đất. Toàn bộ công trình và cây cối trên đất là do bố mẹ chị xây dựng và trồng. Anh chị em chị còn bé không có công sức đóng góp gì.

Nay bố chị đã chết, các anh chị em của bố chị không đồng nhất đối với thửa đất trên nên mẹ chị không làm thủ tục phân chia thửa đất trên cho các anh chị em chị được. Vì bố chị đã chết nên chị đề nghị Tòa án phân chia thửa đất trên theo quy định của pháp luật giúp mẹ chị. Chị xin nhận phần thừa kế của chị được hưởng bằng hiện vật và chị đề nghị phần di sản thừa kế của chị được hưởng chị đồng ý để cho mẹ chị được toàn quyền quản lý sử dụng. Nay chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mẹ chị, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Vì lý do công việc bận không có thời gian lên Tòa án làm việc nên chị xin giữ nguyên các lời khai tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án, chị ủy quyền cho mẹ chị toàn quyết định các nội dung liên quan đến vụ án, ý kiến của chị cũng là ý kiến của mẹ chị. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận đề nghị của chị.

Tại phiên tòa chị Giáp Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Giáp Thị T có ý kiến trình bày:*

Chị là con gái của bà Giáp Thị H và ông Giáp Văn Xuân. Bố chị ông Giáp Văn Xuân, sinh năm 1971 (chết ngày 26/01/2020), ông bà chị đã chết hết từ lâu, cụ thể chị không nhớ. Ông bà chị sinh được 8 người con, ngoài ra ông bà không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ chị sinh được 03 người con là: chị, Giáp Văn T, Giáp Thị N. Ngoài ra, bố mẹ chị không có con đẻ con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc đất thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân là do ông bà cho bố mẹ chị từ lâu. Chị sinh sống trên đất từ khi sinh ra đến năm 2020 thì chị đi lấy chồng, không sinh sống trên đất, quá trình sinh sống trên đất các công trình trên đất do bố mẹ chị xây dựng, chị còn nhỏ không có công sức đóng góp gì xây dựng các công trình gì trên thửa đất đó.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 thì lúc đó chị mới đẻ còn nhỏ nên không nắm được hộ gia đình chị lúc đó có những ai. Từ khi chị biết được thì có bố mẹ và 03 anh chị em chị sinh sống trên đất ngoài ra không còn ai khác. Bà chị đã chết từ lâu, ông chị chết năm 2020, khi còn sống ông chị cũng không ở cùng bố mẹ chị và các anh chị em chị trên đất này ngày nào. Khi ông và bố chị chết năm 2020 đều không để lại di chúc gì.

Khi còn sống thì ông chị đã cho thừa đất trên cho bố mẹ chị, bố mẹ chị đã xây dựng các công trình trên đất từ lâu các anh chị em của bố chị đều biết và không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 1999 bố chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em của bố chị cũng không ai có ý kiến gì đối với thửa đất của bố mẹ chị được cho. Nay ông bà, bố chị đã chết, chị nhất trí với ý kiến của mẹ chị đề nghị chia thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Hiện tại trên thửa đất trên chỉ còn lại một mình mẹ chị là bà H sinh sống trên đất này, ngoài ra không có ai khác. Chị đang sinh sống ở quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, chị chỉ thỉnh thoảng về thăm mẹ. Hiện nay công trình trên thửa đất trên gồm: 01 nhà cấp, 02 nhà công trình phụ, ngoài ra còn có một số cây cối trên đất. Toàn bộ công trình và cây cối trên đất là do bố mẹ chị xây dựng và trồng. Chị em chị còn bé không có công sức đóng góp gì.

Nay bố chị đã chết, các anh chị em của bố chị không đồng nhất đối với thửa đất trên nên mẹ chị không làm thủ tục phân chia thừa đất cho các anh chị em chị được. Vì bố chị đã chết nên chị đề nghị Tòa án phân chia thừa đất trên theo quy định của pháp luật giúp mẹ chị. Chị xin nhận phần thừa kế của chị được hưởng bằng hiện vật và chị đề nghị phần di sản thừa kế của chị được hưởng chị đồng ý để cho mẹ chị được toàn quyền quản lý sử dụng. Nay chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mẹ chị, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Vì lý do công việc bận, đi làm ăn xa không có thời gian về Tòa án làm việc nên chị xin giữ nguyên các lời khai tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án,

chị ủy quyền cho mẹ chị toàn quyền quyết định các nội dung liên quan đến vụ án, ý kiến của chị cũng là ý kiến của mẹ chị. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận đề nghị của chị.

Tại phiên tòa chị Giáp Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Giáp Văn T có ý kiến trình bày:*

Anh là con trai của bà Giáp Thị H và ông Giáp Văn Xuân. Bố anh ông Giáp Văn Xuân chết ngày 26/01/2020, ông bà anh đã chết từ lâu. Ông bà anh sinh được 8 người, ngoài ra ông bà không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ anh sinh được 03 người con là: anh, Giáp Thị N, Giáp Thị T. Ngoài ra, bố mẹ anh không có con đẻ con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc đất thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân là do ông bà cho bố mẹ anh, anh sinh sống trên đất từ khi sinh ra đến năm 2018 thì anh vào Miền nam làm ăn, không sinh sống trên đất, quá trình sinh sống trên đất các công trình trên đất do bố mẹ anh xây dựng, anh còn nhỏ không có công sức đóng góp gì xây dựng các công trình trên thửa đất đó.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 thì lúc đó anh chưa đẻ, nên không nắm được hộ gia đình anh lúc đó có những ai. Từ khi anh biết được thì có bố mẹ anh và 03 anh chị em sinh sống trên đất ngoài ra không còn ai khác. Bà anh đã chết từ lâu, ông anh chết năm 2020, khi còn sống ông anh cũng không ở cùng bố mẹ anh và các anh chị em anh trên đất này ngày nào. Khi ông và bố anh chết năm 2020 đều không để lại di chúc gì.

Khi còn sống thì ông anh đã cho thửa đất trên cho bố mẹ, bố mẹ anh xây dựng các công trình trên đất từ lâu các anh chị em của bố anh đều biết và không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 1999 bố anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em của bố anh cũng không ai có ý kiến gì đối với thửa đất của bố mẹ anh được cho. Nay ông bà, bố anh đã chết, anh đề nghị chia thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

Hiện tại trên thửa đất trên chỉ còn lại một mình mẹ anh là bà H sinh sống, ngoài ra không có ai khác. Anh thì đang sinh sống làm ăn ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, anh chỉ thỉnh thoảng về thăm mẹ. Hiện nay công trình trên thửa đất trên gồm: 01 nhà cấp, 02 nhà công trình phụ, ngoài ra còn có một số cây cối trên đất. Toàn bộ công trình và cây cối trên đất là do bố mẹ anh xây dựng và trồng. Anh chị em anh còn bé không có công sức đóng góp gì.

Nay bố anh đã chết, các anh chị em của bố anh không đồng nhất đối với thửa đất trên nên mẹ anh không làm thủ tục phân chia thửa đất trên cho các anh chị em anh được. Vì bố anh đã chết nên anh đề nghị Tòa án phân chia thửa đất trên theo quy định của pháp luật giúp mẹ anh. Anh xin nhận phần thừa kế của anh được hưởng bằng hiện vật và anh đề nghị phần di sản thừa kế của anh được

hưởng anh đồng ý để cho mẹ anh được toàn quyền quản lý sử dụng. Nay anh đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mẹ anh, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Vì lý do công việc làm ăn ở xa không có thời gian, điều kiện đi lại nhiều nên anh xin giữ nguyên các lời khai tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án, anh ủy quyền cho mẹ anh toàn quyết định các nội dung liên quan đến vụ án, ý kiến của anh cũng là ý kiến của mẹ anh. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận đề nghị của anh.

Tại phiên tòa anh Giáp Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Việt Tiến do ông Nguyễn Xuân T- Phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417 mà hiện tại do bà Giáp Thị H đang quản lý là do từ thời cha ông để lại. Đối với kết quả đo đạc của Công ty Kim Hoàng thì thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở và 790m<sup>2</sup> đất vườn tại thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân. Diện tích đo đạc hiện trạng thực tế của thửa đất này là 1212,7m<sup>2</sup>. Như vậy, diện tích dôi dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 112,7m<sup>2</sup>, theo quan điểm của UBND xã Việt Tiến diện tích dôi dư trên là do sai số khi đo đạc. UBND xã Việt Tiến đề nghị Tòa án xem xét phân chia theo diện tích đo đạc thực tế của Công ty đo đạc Kim Hoàng. Hiện nay thửa đất này vẫn đang do bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền UBND xã Việt Tiến vắng mặt.

*\* Tại bản trình bày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Việt Yên do ông Lương Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thửa đất Tòa án đang giải quyết là thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12, diện tích 1090m<sup>2</sup>. Năm 1999 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân.

Ngày 20/6/2022 kết quả đo đạc trích đo của công ty TNHH MTV Kim Hoàng là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32, diện tích 1212,7m<sup>2</sup>. Hiện nay diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 so với diện tích đo đạc thực tế tăng 112,7m<sup>2</sup>. Xác minh tại UBND xã Việt Tiến, diện tích tăng thêm trên là do sai số đo đạc, sai số tính toán do vậy có thể xác định ranh mốc giới của hộ gia đình sử dụng ổn định không thay đổi theo quy định tại khoản 5, Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa ông Lương Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Kiểm sát viên, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa là đảm bảo. Tại phiên tòa việc chấp hành của Nguyên đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bị đơn, Một số người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 649; Điều 650; khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự; Khoản 29 Điều 3; Điều 166; Điều 167; Điều 179; Điều 195 của Luật đất đai; Khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị H về việc yêu cầu thừa kế theo quy định của pháp luật đối với Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn, địa chỉ thửa đất: thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn B, ông Giáp Văn L, chị Giáp Thị N, chị Giáp Thị T, anh Giáp Văn T và bà Giáp Thị H.

- Giao Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32, diện tích diện tích 1212,7m<sup>2</sup>), địa chỉ thửa đất: thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân cho bà Giáp Thị H quản lý, sử dụng.

- Tạm giao cho bà Giáp Thị H quản lý, sử dụng 112,7m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa đất Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417 (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32), địa chỉ thửa đất: thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân.

- Bà Giáp Thị H có trách nhiệm trích chia kỷ phần thừa kế cho bà Giáp Thị H số tiền là 19.840.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà Giáp Thị H và bà Giáp Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà H có nơi cư trú: Thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng:

\* Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Trong vụ án này ông Giáp Văn Xuân chết ngày 26/01/2020, bố mẹ ông Xuân thì mẹ Nguyễn Thị Bính chết năm 1981, bố là Giáp Văn Liên chết ngày 05/3/2020. Như vậy, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Giáp Thị H vẫn còn.

\* Về pháp luật áp dụng: Do ông Xuân chết năm 2020 và thửa đất tranh chấp chia thừa kế được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, năm 2015; Luật đất đai năm 1993, 2003, 2013 và một số văn bản hướng dẫn để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị bà H.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giáp Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

**\* Về xác định hàng thừa kế:**

- *Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Xuân:*

Theo xác minh tại địa phương và lời khai các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thửa đất nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu đề nghị chia di sản thừa kế có nguồn gốc là bố mẹ ông Xuân cho ông Xuân, bà H. Năm 2020 ông Xuân chết không để lại di chúc và sau khi ông Xuân chết các anh chị em của ông Xuân không thống nhất được phân chia di sản thừa kế.

Năm 1999 thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân thì hộ khẩu của gia đình ông Xuân lúc đó gồm: Ông Xuân, bà H, chị Giáp Thị N, chị Giáp Thị T, ngoài ra không còn ai khác. Do vậy, xác định thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có 04 người được hưởng quyền lợi như nhau được chia thành 04 phần. Khi đó ông Xuân là chủ hộ đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 1999 để xác định thành viên có quyền sở hữu đối với thửa đất trên. Thời điểm năm 1999 theo xác minh tại địa phương thì những người trong sổ hộ khẩu gia đình ông Xuân gồm: ông Xuân, bà H, chị N, chị T. Do vậy, xác định 04 người trên được hưởng quyền sử dụng đất vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là phù hợp quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai và mục 4 phần III Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, trong quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Xuân là một thành viên của hộ, phần ông được hưởng gồm 1/4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình ông Giáp Văn Xuân năm 1999. Vì vậy xác định phần thừa kế ông Xuân để lại là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn

L với đất tại Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn :  $1/4 = 75\text{m}^2$  đất ở, 197,5m<sup>2</sup> đất vườn (diện tích đo đạc hiện trạng là 1212,7m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 912,7m<sup>2</sup> đất vườn:  $1/4 = 75\text{m}^2$  đất ở, 228,175m<sup>2</sup>).

Ngày 26/01/2020 ông Xuân chết không để lại di chúc về tài sản, ông Liên bố ông Xuân chết ngày 05/3/2020. Tại thời điểm ông Xuân chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Xuân bao gồm: Ông Liên là bố đẻ ông Xuân, bà H là vợ ông Xuân, 03 con của ông Xuân bà H là N, T, T. Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận ông Liên có 08 người con, không có con đẻ con nuôi nào khác. Vì vậy, phần quyền sử dụng đất của ông Xuân muốn phân định thì phải chia thừa kế, những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Xuân ở thời điểm khi chết gồm có 05 người là: ông Giáp Văn Liên (bố ông Xuân), bà H, chị N, chị T, anh T. Ngoài ra ông Xuân không có con đẻ con nuôi nào khác. Ông Liên có tổng 08 người con: Giáp Văn Xuân, Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Giáp Văn K, Giáp Văn K, Giáp Thị H, Giáp Văn B, Giáp Văn L.

Vì vậy, ông Liên, bà H, chị N, chị T, anh T đều được hưởng phần thừa kế như nhau mỗi người sẽ được một phần thừa kế của ông Xuân (Phần thừa kế ông Xuân để lại là  $1/5$  giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn L với đất tại Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn. Ông Xuân để lại di sản thừa kế là  $1/5$  của 75m<sup>2</sup> đất ở và 197,5m<sup>2</sup> đất vườn = 15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn).

**\* Về xác định di sản thừa kế và chia di sản thừa kế của ông Xuân:**

- Về di sản là quyền sử dụng đất:

Ông Liên, bà H, chị N, chị T, anh T đều được hưởng phần thừa kế như nhau mỗi người sẽ được một phần thừa kế của ông Xuân (Phần thừa kế ông Xuân để lại là  $1/5$  giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn L với đất tại Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn. Ông Xuân để lại di sản thừa kế là  $1/5$  của 75m<sup>2</sup> đất ở và 197,5m<sup>2</sup> đất vườn = 15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn.

Như vậy, phần di sản thừa kế của ông Liên để lại gồm 15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn được chia đều cho các người con của ông Liên bao gồm 07 người con còn sống là: Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Giáp Văn K, Giáp Văn K, Giáp Thị H, Giáp Văn B, Giáp Văn L.

Theo kết quả định giá ngày 20/6/2022 thì Hội đồng định giá đã định giá đất ở là 4.000.000 đồng/m<sup>2</sup>, đất vườn gắn L với đất ở là 2.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Các đương sự trong vụ án đều nhất trí, không ai có ý kiến gì đối với kết quả đo đạc hiện trạng của thửa đất và kết quả định giá của Hội đồng định giá về giá đất ở, đất vườn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia thừa kế theo giá như kết quả của Hội đồng định giá đã định giá về đất ở và đất vườn nêu trên.

Năm 1999 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Giáp Văn Xuân thì lúc đó theo xác minh nhân khẩu của Công an xã Việt Tiến thì hộ ông Xuân gồm 4 người là ông Xuân, bà H, chị N, chị T, ngoài ra không còn ai khác. Như vậy, quyền sử dụng đất của thửa đất này tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 04 người trên cụ thể mỗi người được hưởng:  $1090\text{ m}^2 : 4 =$

272,5 m<sup>2</sup> trong đó (300m<sup>2</sup> : 4) 75 m<sup>2</sup> đất ở và (790m<sup>2</sup> : 4) 197,5 m<sup>2</sup> đất vườn.

- Di sản của ông Xuân năm 2020 chết không để lại di chúc, chia theo pháp luật cụ thể:

Người được hưởng di sản gồm 05 người gồm: Ông Liên, bà H, chị N, chị T, anh T. Di sản của ông Xuân là 1/4 của diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 là 272,5 m<sup>2</sup> trong đó 75 m<sup>2</sup> đất ở và 197,5 m<sup>2</sup> đất vườn. Ông Liên, bà H, chị N, chị T, anh T mỗi người được hưởng 1/5 di sản thừa kế của ông Xuân để lại, cụ thể là:  $272,5 \text{ m}^2 : 5 = 54,5 \text{ m}^2$  trong đó 15 m<sup>2</sup> đất ở và 39,5 m<sup>2</sup> đất vườn.

07 người con của ông Liên được hưởng phần di sản của ông Liên gồm: Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Giáp Văn K, Giáp Văn K, Giáp Thị H, Giáp Văn B, Giáp Văn L mỗi người được hưởng: Tổng diện tích 7,78 m<sup>2</sup> trong đó 2,14 m<sup>2</sup> đất ở và 5,64 m<sup>2</sup> đất vườn.

Đất ở:  $2,14 \text{ m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 8.560.000 \text{ đồng}$ .

Đất vườn:  $5,64 \text{ m}^2 \times 2.000.000 \text{ đ/m}^2 = 11.280.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, cụ thể từng người được hưởng như sau:

- Bà Giáp Thị H thành viên trong hộ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 hưởng 1/4 quyền sử dụng đất + 1/5 trong 1/4 di sản quyền sử dụng đất ông Xuân là: (75m<sup>2</sup> đất ở + 197,5m<sup>2</sup> đất vườn của bà H) + (15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn thừa kế của ông Xuân của bà H) = 90m<sup>2</sup> đất ở + 236,6m<sup>2</sup> đất vườn = 360.000.000 đồng + 473.200.000 đồng = 833.200.000 đồng.

- Chị Giáp Thị N thành viên trong hộ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 hưởng 1/4 quyền sử dụng đất + 1/5 trong 1/4 di sản quyền sử dụng đất ông Xuân là: (75m<sup>2</sup> đất ở + 197,5m<sup>2</sup> đất vườn) + (15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn) = 90m<sup>2</sup> đất ở + 236,6m<sup>2</sup> đất vườn = 360.000.000 đồng + 473.200.000 đồng = 833.200.000 đồng.

- Chị Giáp Thị T thành viên trong hộ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 hưởng 1/4 quyền sử dụng đất + 1/5 trong 1/4 di sản quyền sử dụng đất ông Xuân là: (75m<sup>2</sup> đất ở + 197,5m<sup>2</sup> đất vườn) + (15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn) = 90m<sup>2</sup> đất ở + 236,6m<sup>2</sup> đất vườn = 360.000.000 đồng + 473.200.000 đồng = 833.200.000 đồng.

- Anh Giáp Văn T được hưởng 1/5 trong 1/4 di sản quyền sử dụng đất ông Xuân là: 15m<sup>2</sup> đất ở + 39,5m<sup>2</sup> đất vườn = (15m<sup>2</sup> x 4.000.000 đồng) + (39,5m<sup>2</sup> x 2.000.000 đồng) = 60.000.000 đồng + 79.000.000 đồng = 139.000.000 đồng.

- Ông Giáp Văn L, Giáp Văn Đ, Giáp Văn K, Giáp Văn K, Giáp Văn B, Giáp Văn L mỗi người được hưởng 1/7 trong 1/5 di sản quyền sử dụng đất ông Liên, 6 người được hưởng tổng là: (2,14 m<sup>2</sup> đất ở và 5,64 m<sup>2</sup> đất vườn) x 6 = 12,84m<sup>2</sup> đất ở + 33,84m<sup>2</sup> đất vườn = 51.360.000 đồng + 67.680.000 đồng = 119.040.000 đồng.

- Bà Giáp Thị H được hưởng 1/7 trong 1/5 di sản quyền sử dụng đất ông Liên là: 2,14 m<sup>2</sup> đất ở và 5,64 m<sup>2</sup> đất vườn = ( 2,14 m<sup>2</sup> x 4.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 8.560.000 đồng) + (5,64 m<sup>2</sup> x 2.000.000đ/m<sup>2</sup> = 11.280.000 đồng) = 19.840.000 đồng.

Như vậy, bà H được chị N, chị T, anh T, ông L, ông Đ, ông K, ông K, ông

B, ông L nhận kỷ phần thừa kế được hưởng và đồng ý giao cho bà H toàn quyền quản lý, sử dụng kỷ phần của các anh chị, ông được hưởng.

Do vậy, cụ thể bà H được hưởng là:  $(75\text{m}^2 \text{ đất ở} + 197,5\text{m}^2 \text{ đất vườn của bà H}) + (15\text{m}^2 \text{ đất ở} + 39,5\text{m}^2 \text{ đất vườn thừa kế ông Xuân của bà H}) + (75\text{m}^2 \text{ đất ở} + 197,5\text{m}^2 \text{ đất vườn của chị N}) + 15\text{m}^2 \text{ đất ở} + 39,5\text{m}^2 \text{ đất vườn thừa kế ông Xuân của chị N}) + (75\text{m}^2 \text{ đất ở} + 197,5\text{m}^2 \text{ đất vườn của chị T}) + 15\text{m}^2 \text{ đất ở} + 39,5\text{m}^2 \text{ đất vườn thừa kế ông Xuân của chị T}) + (15\text{m}^2 \text{ đất ở} + 39,5\text{m}^2 \text{ đất vườn thừa kế ông Xuân của anh T}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông L}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông Đ}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông K}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông K}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông B}) + (2,14 \text{ m}^2 \text{ đất ở và } 5,64 \text{ m}^2 \text{ đất vườn của ông L}) = (297,860\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 4.000.000 \text{ đồng}) + (784,36\text{m}^2 \text{ đất vườn} \times 2.000.000 \text{ đồng}) = 1.191.440.000 \text{ đồng} + 1.568.720.000 \text{ đồng} = 2.760.160.000 \text{ đồng}.$

Bà H được hưởng tổng diện tích  $7,78 \text{ m}^2$  trong đó  $2,14 \text{ m}^2$  đất ở và  $5,64 \text{ m}^2$  đất vườn có giá trị 19.840.000 đồng.

Xem xét lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Bà H là người trông nom quản lý di sản thừa kế từ khi ông Xuân chết cho đến nay. Bị đơn bà H tại biên bản lấy lời khai không đồng ý với khởi kiện của bà H, nếu chia thừa kế thì phần bà được hưởng bà yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà yêu cầu chia cho bà bằng hiện vật, bà đồng ý nhận di sản thừa kế được hưởng của chị N, chị T, anh T, ông L, ông Đ, ông K, ông K, ông B, ông L. Chị N, chị T, anh T, ông L, ông Đ, ông K, ông K, ông B, ông L đều đề nghị nhận phần di sản và đều đồng ý giao lại cho bà H quản lý, sử dụng phần của các anh chị, các ông được hưởng.

Hội đồng xét xử, xét thấy hiện nay các đương sự trình bày đều đã có chỗ ở ổn định, bà H trình bày đã có chỗ ăn ở, bà H nhận phần thừa kế được hưởng đề nghị chia theo pháp luật nên, diện tích bà H được hưởng có  $7,78 \text{ m}^2$  không đảm bảo tách thửa theo quy định nên Hội đồng xét xử xét thấy trích chia phần thừa kế của bà H được hưởng bằng tiền là cũng đảm bảo quy định, phần diện tích của bà H giao cho bà H quản lý sử dụng và bà H phải có nghĩa vụ trích chia bằng tiền cho bà H, do vậy cần giao toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H quản lý và sử dụng, bà H phải trích chia giá trị bằng tiền cho bà H là 19.840.000 đồng.

- Phần diện tích dôi dư  $112,7\text{m}^2$  đối với thửa đất trên là phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy theo kết quả đo đạc hiện trạng thì diện tích dôi dư là  $112,7\text{m}^2$  đất vườn, theo các cơ quan chuyên môn là do sai số đo đạc nhưng theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Xuân năm 1999 thì đăng ký cấp giấy chứng nhận với diện tích  $1090\text{m}^2$  và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 diện tích là  $1090\text{m}^2$  nên xác định phần đất dôi dư này sẽ tạm giao cho một người quản lý, sử dụng đối với diện tích này, hiện bà H đang là người quản lý thửa đất nên giao tạm giao cho bà H quản lý và bà H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xem xét đối với diện tích đất dôi dư trên.

**\* Đối với các tài sản gắn L trên đất:**

- Theo biên bản định giá ngày 20/6/2022 thì xác định tài sản trên đất gồm:

01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2002 có giá trị sau khấu hao là 3.066.000 đồng; 01 bếp, nhà vệ sinh xây năm 2011 có giá trị sau khấu hao là 4.743.000 đồng; 03 cây nhãn trồng năm 2012 đường kính trên 20cm có giá 200.000 đồng/cây; 01 cây mít; 01 cây vải trồng năm 2012 đường kính trên 20cm có giá 150.000 đồng/cây. Ngoài ra, không còn tài sản gì khác và các đương sự nhất trí và không yêu cầu định giá tài sản gì khác.

Đối với các tài sản công trình trên đất thì Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với toàn bộ các tài sản trên đất các đương sự đều thừa nhận là của vợ chồng ông Xuân xây dựng, các ông bà, anh chị không ai có công sức đóng góp gì đối với các tài sản này và không ai có đề nghị giải quyết gì đối với các tài sản trên đất. Do vậy, xác định các công trình tài sản này không phải là di sản thừa kế để chia nên phần tài sản này cần tiếp tục giao cho bà H quản lý, sử dụng.

\* Ngoài ra, toàn bộ các đương sự trong vụ án không ai đề nghị xem xét việc thanh toán tiền mai táng phí và các yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

\* Theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy nếu trong thời gian quản lý di sản, người quản lý giữ gìn, làm tăng giá trị của di sản như sửa chữa nhà, bồi đắp nền đất, trồng cây chống xói mòn... thì có thể tính công sức đối với họ. Trong vụ án này, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Giáp Thị H là người quản lý di sản không yêu cầu xem xét thanh toán công sức bảo quản, gìn giữ di sản đối với thửa đất trên. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Tổng chi phí xem xét thẩm định, định giá là 7.500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận về phần chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà H hưởng kỷ phần di sản thừa kế của bà, chị N, chị T, anh T, ông L, ông Đ, ông K, ông K, ông B, ông L nên bà H phải chịu 7.125.000 đồng, bà H phải chịu 375.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[6] Về án phí:

- Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng của bà, chị N, chị T, anh T, ông L, ông Đ, ông K, ông K, ông B, ông L (giá trị được hưởng là 2.760.160.000 đồng) là: 72.000.000 đồng + (2% của 760.160.000 đồng) = 72.000.000 đồng + 15.203.000 đồng = 87.203.000 đồng.

- Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng của bà được hưởng là: 19.840.000 đồng x 5% = 992.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 649; Điều 650; khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự.

Khoản 29 Điều 3; Điều 166; Điều 167; Điều 179; Điều 195 của Luật đất đai;

Mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] .Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32 diện tích 1212,7m<sup>2</sup>), địa chỉ thửa đất: Thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn B, ông Giáp Văn L, chị Giáp Thị N, chị Giáp Thị T, anh Giáp Văn T và bà Giáp Thị H.

- Giao toàn bộ Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32), địa chỉ thửa đất: Thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân cho bà Giáp Thị H quản lý, sử dụng. Đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc có cạnh ký hiệu CD chiều dài 28,07m giáp đất nhà bà Hợp Hợi; Phía Nam có cạnh ký hiệu DE + EA chiều dài 47,3m giáp ruộng nước; Phía Tây có cạnh ký hiệu AB chiều dài 28,37m giáp đường ngõ xóm; Phía Đông có cạnh ký hiệu BC chiều dài 37,14m giáp đất nhà ông bà L Ngọc (*có trích sơ đồ thửa đất kèm theo*).

- Giao cho bà Giáp Thị H quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản gắn L với đất theo biên bản định giá ngày 20/6/2022 gồm: 01 nhà cấp 4 loại 2 xây năm 2002 có giá trị sau khấu hao là 3.066.000 đồng; 01 bếp, nhà vệ sinh xây năm 2011 có giá trị sau khấu hao là 4.743.000 đồng; 03 cây nhãn trồng năm 2012 đường kính trên 20cm có giá 200.000 đồng/cây; 01 cây mít; 01 cây vải trồng năm 2012 đường kính trên 20cm có giá 150.000 đồng/cây.

- Tạm giao cho bà Giáp Thị H quản lý, sử dụng 112,7m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa đất Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 417 (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32), địa chỉ thửa đất: thôn Kép, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Việt Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Giáp Văn Xuân.

- Bà Giáp Thị H có trách nhiệm trích chia kỷ phần thừa kế cho bà Giáp Thị H số tiền là 19.840.000 đồng.

- Bà Giáp Thị H có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 417, tổng diện tích 1090m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 790m<sup>2</sup> đất vườn (nay là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 32 diện tích 1212,7m<sup>2</sup>), địa chỉ thửa đất: Thôn Kép, xã Việt Tiên, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Bà Giáp Thị H phải chịu 7.125.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; Bà Giáp Thị H phải chịu 375.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Xác nhận bà Giáp Thị H đã nộp 7.500.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Bà H phải hoàn trả cho bà H số tiền 375.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về án phí:

- Bà Giáp Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng của bà, ông Giáp Văn L, ông Giáp Văn Đ, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn K, ông Giáp Văn B, ông Giáp Văn L, chị Giáp Thị N, chị Giáp Thị T, anh Giáp Văn T là 87.203.000 đồng. Xác nhận bà Giáp Thị H đã nộp số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006307 ngày 13/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Bà H còn phải nộp số tiền 79.703.000 đồng chênh lệch.

- Bà Giáp Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được hưởng là 992.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7 a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Vân**



